

BIỂU HIỆN TỔN THƯƠNG DO CHUYỂN HÓA

ỨNG DỤNG NỘI BÀO

ỨNG DỤNG SP CHUYỂN HÓA Ở TRONG TB

BÌNH THƯỜNG
BẤT THƯỜNG

ỨNG DỤNG NƯỚC

① - THÂN, GAN; TIM

N NHẬN: THIẾU MÁU, O₂
NHUẾM TRÙNG; NGỒ ĐỘC
Giảm tạo ATP → THIẾU ATPase → Na⁺ L TRONG TB → KÉO NƯỚC VÀO → TRỨNG LÊN

ĐẠI THỂ: TĂNG
TRƯỜNG
TĂNG TRONG
NHẤT MÀU

VI THỂ: NHỎ → TRƯỜNG ĐỤC TB
TB TRƯỜNG
NHÂN CỖN ĐỎ GIỮA
BTG DẠNG HẠT } CÓ THỂ PHỤC HỒI

ỨNG DỤNG LIPID

② - CƠ; GAN; TIM

ỨNG DỤNG TRIGLYCERID

HẦU HẾT TG MỚI
THẬP Ở GAN LÀ
LIPID PROTEIN

HẦU GAN Ở
GAN LÀ NƠI
CHUỖ LIPID

ỨNG DỤNG CHOLESTEROL & CHOLESTEROL ESTER

BÀNH HƯƠNG: [GAN] - CHOL - [TB]
⇒ THẬP CẤU TRÚC MÀNG.
⇒ Ở Ở Đ BẢO TỬ ĐÔNG

N NHẬN: NGỒ ĐỘC (RƯỢU)
VIÊM GAN
NHỖ Đ

RỐI LOẠN
C HOÁ
LIPID ⇒ Ứ GAN

BỆNH: VỎ XỐ VỮA ĐÔNG MẠCH
Ứ (1) ĐTB → BỌT BẢO → U VÀNG (XANTHOMA)

ỨNG DỤNG LIPID PHỨC TẠP

Ứ (1) TIẾU THỂ VÌ TIẾU THỂ THIẾU ENZYME THỤ PHẦN

THIẾU: GLUCOSIDASE

⇒ Ứ GLUCOSIDASE

GAUCHER: ② TIẾU THỂ ĐTB → TB GAUCHER (TO BTG DẠNG SỢI)

BỆNH
RLCH
BẨM SINH

THIẾU SPHINGOMYELINASE

⇒ Ứ SPHINGOMYELIN

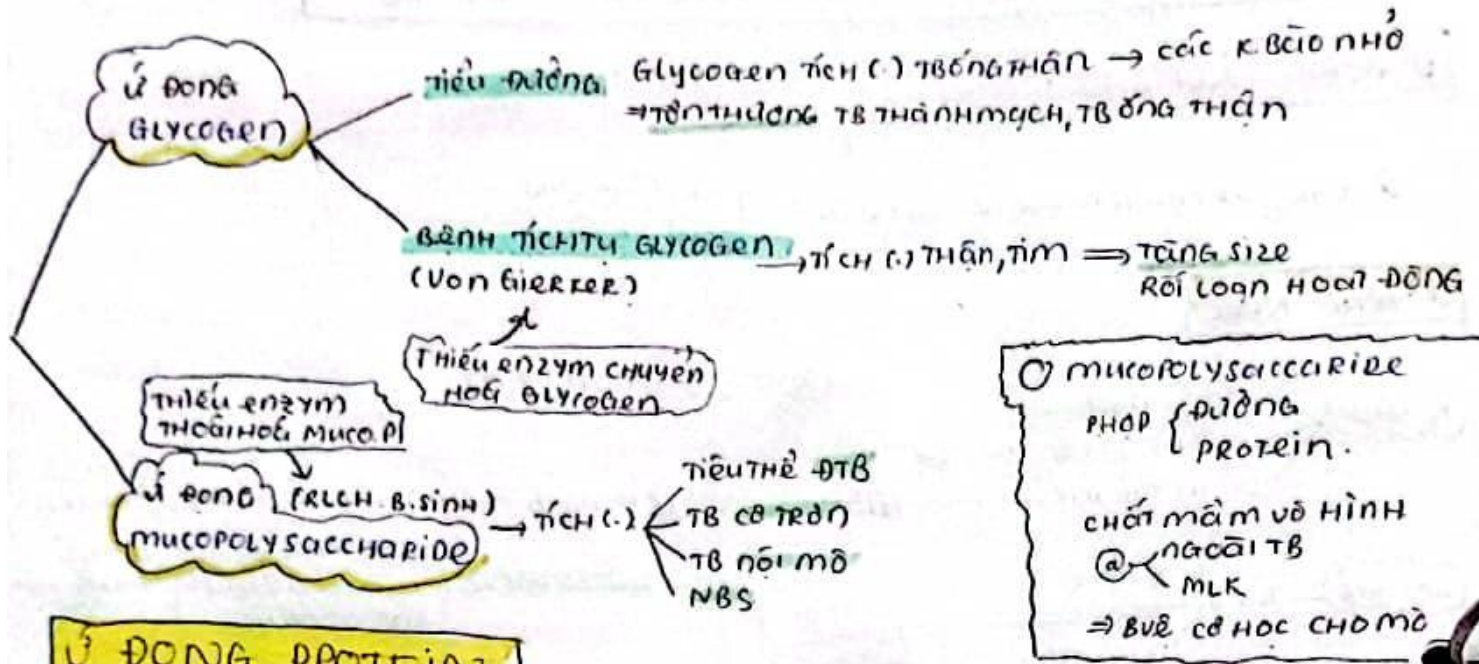
② TIẾU THỂ TB → TB < TO BTG ĐẦY TB BỌT

ĐẠI THỂ: TĂNG
TO
VỮNG

VI THỂ: NHÂN LỎN RA NV
BTG { 1° BẢO LỚN
NHỮNG 2° BẢO NHỎ

Ứ ĐÔNG GLUCID

RUCH ĐƯỜNG → d @ - cơ, gan, tim



Ứ ĐÔNG PROTEIN

Ứ ĐÔNG ĐẶC THỂ VỚI HÌNH TRON

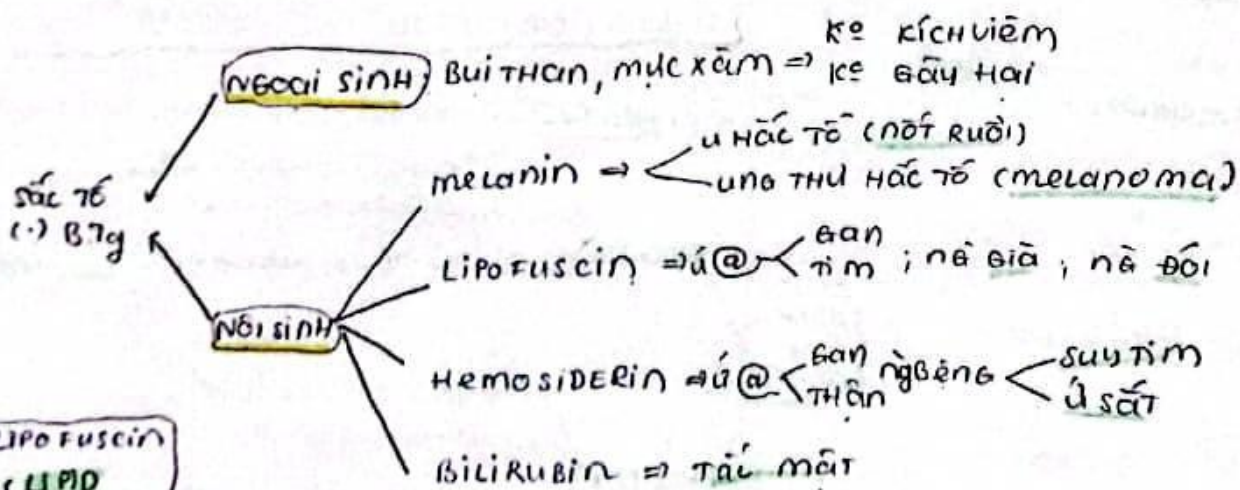
- ĐỒNG NHẤT
- VỎ ĐỊNH HÌNH TRONG MỖ KINH
- BẤT MẪU ACIP

PHẠO BẢO QUÁ MỨC (BỆNH CẦU THẬN) ⇒ B. TG: n' THỂ VỚI HYALIN

KUỐT BẢO QUÁ CHẬM (BỆNH ĐA MẬT) ⇒ TƯƠNG BẢO: n' THỂ VỚI (THỂ RUSSEL) ER: n' GLOBULIN MIỄN DỊCH ⇒ THỂ VỚI

TỔN THƯƠNG KINH TR (SCITUNG GIAN KERATIN) MỖ GAN - NGỒI (RUỒI): TIỂU SƠ CYTOLEKATIN UBIQUITIN ⇒ THỂ VỚI (THỂ MALLORY) HYALIN

Ứ ĐÔNG SẮC TỐ



○ LIPOFUSCIN { LIPID PROTEIN

ngầu vông

• HEMOSIDERIN

- sắc tố chứa sắt
- ĐO THÁI HOẶC HB VỎ NGẦU
- ⇒ TỔN THƯƠNG TB, MỖ

ĐỂ PHÂN BIỆT CÁC SẮC TỐ

⇒ NHUỘM